

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

Bản án số: 131/2025/LĐ-ST

Ngày: 28/4/2025

V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm
xã hội”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi
2. Ông Trần Đăng Vạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng D là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2024/TLST-LĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2893/2025/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2892/2025/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Dương Thị T1, sinh năm 1995 và ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1977.

Địa chỉ liên hệ: Số A H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hợp đồng ủy quyền số công chứng 001807 ngày 02/4/2024.

2. Bị đơn: Công ty TNHH I.

Địa chỉ trụ sở: P Lầu E, Tòa nhà S, số A P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024, lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có bà Dương Thị T1 và ông Vũ Ngọc H cùng có ý kiến trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn T làm việc tại Công ty TNHH I từ tháng 07/2020, có ký kết hợp đồng lao động số 00001/HĐLĐ-IN-CN3 ngày 29/6/2020. Công việc của ông T là bảo vệ, mức lương thỏa thuận 4.196.000đồng, thỏa thuận đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Ngày 14/3/2023, Công ty ra Quyết định thôi việc số 00001/QĐTV cho ông T nghỉ việc từ ngày 14/3/2023 do ông T xin nghỉ việc. Quá trình làm việc tại công ty, hàng tháng Công ty đều trừ lương của ông T để tham gia bảo hiểm xã hội gồm bảo hiểm xã hội, tiền bảo hiểm thất nghiệp, tiền bảo hiểm y tế. Sau khi ông T nghỉ việc, ông T liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội thì được biết Công ty TNHH I đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đủ và chỉ đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 9/2021 và từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 Công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho ông T với mức lương đóng bảo hiểm cụ thể: từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 là 5.161.000đồng, từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 là 5.404.000đồng, tháng 7/2022 là 6.245.000 đồng, từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 là 6.263.000 đồng và chưa xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I đóng bảo hiểm xã hội cho ông T từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 với mức lương đóng như trên và xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Ngoài ra, ông T xác định không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày và tài liệu, chứng cứ do Công ty TNHH I giao nộp. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, và tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng Công ty TNHH I vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, xét xử đúng thời gian, địa điểm, đúng thành phần, thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đề nghị đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Án phí lao động sơ thẩm: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH I đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông T trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M của Công ty TNHH I, đăng ký lần đầu ngày 26/5/2015 đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 02/7/2024 thì Công ty TNHH I có trụ sở chính tại số P Lầu E, Tòa nhà S, số A đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chưa đăng ký giải thể, căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị T1, ông Vũ Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Công ty TNHH I đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Bị đơn Công ty TNHH I đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn Công ty TNHH I vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bị đơn Công ty TNHH I đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.1] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét nhận thấy:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Nguyễn Văn T làm việc tại C theo hợp đồng lao động số 00001/HĐLĐ-IN-CN3 ngày 29/6/2020. Công ty TNHH I có tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T. Ngày 14/3/2023, Công ty TNHH I ban hành Quyết định thôi việc số 00001/QĐTV cho ông Nguyễn Văn T do ông T có đơn xin nghỉ việc.

Theo nội dung Công văn số 95/BHXXH ngày 18/11/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai thể hiện Công ty TNHH I có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội 7508228030 cho ông Nguyễn Văn T theo đó Công ty TNHH I đã đóng bảo hiểm y tế và đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ và xác nhận quá trình cho ông T, bảo hiểm xã hội chỉ đóng đến tháng 9/2021, không đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2023 với mức lương đóng bảo hiểm cụ thể: từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 là 5.161.000đồng, từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 là 5.404.000đồng, tháng 7/2022 là 6.245.000 đồng, từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 là 6.263.000 đồng và chưa chưa xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho ông T theo quy định. Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Văn T và Công ty I ký kết hợp đồng lao động hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty TNHH I có hiệu lực pháp luật làm căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18, Điều 20, Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019, Luật bảo hiểm xã hội 2014. Việc Công ty I không đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH I phải đóng bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật trên mức lương trong thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 là 5.161.000đồng, từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 là 5.404.000đồng, tháng 7/2022 là 6.245.000 đồng, từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 là 6.263.000 đồng và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Do tranh chấp về tiền bảo hiểm nên ông Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 188, khoản 1 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Áp dụng Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89, Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty TNHH I có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Văn T tại cơ quan bảo hiểm xã hội theo tỷ lệ pháp luật bảo hiểm quy định trên mức lương theo từng giai đoạn và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật, cụ thể: từ tháng 10/2021 đến tháng 01/2022 là 5.161.000đồng, từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022 là 5.404.000đồng, tháng 7/2022 là 6.245.000 đồng, từ tháng 8/2022 đến tháng 02/2023 là 6.263.000 đồng.

Công ty TNHH I có trách nhiệm đóng tiền lãi do chậm đóng bảo hiểm xã hội với lãi suất theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Công ty TNHH I phải chịu tiền án phí 300.000 đồng nộp tại Cơ quan qua Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Nhung

